

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1540 /QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Ngôn ngữ Trung Quốc (Chuyên ngành: Tiếng Trung Quốc) (chương trình chất lượng cao)
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng anh):	Chinese language
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7220204
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	139 tín chỉ
9.	Thang điểm:	Thang 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.- Tích lũy đủ 139 tín chỉ.- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Trường.
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
12.	Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none">- Đảm nhận vị trí công việc tại các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực đối ngoại, truyền thông, kinh tế và dịch vụ du lịch;



		<p>- Đảm nhận vị trí công việc tại các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế, các công ty, tập đoàn trong đó tiếng Trung là ngôn ngữ làm việc chính thức, hoặc có mối liên hệ thường xuyên với các quốc gia, vùng lãnh thổ sử dụng tiếng Trung;</p> <p>- Làm việc tại các cơ quan quản lý có liên quan đến công tác đối ngoại, tại các công ty nước ngoài, các công ty liên doanh thường xuyên sử dụng tiếng Trung.</p> <p>- Đảm nhận được vị trí công việc tại các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy ngôn ngữ có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Trung;</p>
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ tiếp tục theo học các chương trình đào tạo chuyên ngành cao hơn tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	<ol style="list-style-type: none"> 1. CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc đại học chính quy Đại học Hà Nội, mã số 7220204 Ban hành theo Quyết định số 3467 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của hiệu trưởng trường Đại học Hà Nội. 2. Đại học Ngoại ngữ đại học quốc gia Hà Nội 3. CTĐT Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản chính quy bậc đại học của Đại học Văn Tảo Đài Loan ban hành theo quyết định của hiệu trưởng ngày 24 tháng 10 năm 2018. 4. CTĐT ngành Ngoại ngữ Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh năm 2020. 5. CTĐT đại học chính quy chuyên ngành ngôn ngữ Đại học Nam Xương ban hành theo quyết định của hội đồng trường ngày 06 tháng 02 năm 2020.

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân ngoại ngữ ngành ngôn ngữ Trung Quốc có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Có kiến thức cốt lõi về ngôn ngữ học, biên phiên dịch và chuyên ngành; kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp;

- **PO2:** Có năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng thực hành ngôn ngữ tiếng Trung Quốc;

- **PO3:** Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và năng lực nghiên cứu vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo;

- **PO4:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp;

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

- **PLO1:** Áp dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, chính trị, pháp luật vào thực tế cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp
 - PI 1.1: Vận dụng các kiến thức KHXH - nhân văn để phân tích các vấn đề liên ngành, đa văn hoá... liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc trong học tập và công tác.
 - PI 1.2: Áp dụng các kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật vào đời sống và hoạt động nghề nghiệp.
- **PLO2:** Vận dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích được các vấn đề liên quan đến văn hóa-xã hội, lịch sử, ngôn ngữ, văn học của Trung Quốc;
 - PI 2.1: Phân tích được các vấn đề về ngôn ngữ Trung Quốc từ góc độ ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chữ viết, ngữ nghĩa...
 - PI 2.2: Phân tích được các yếu tố và giá trị về văn hoá xã hội, lịch sử, văn học nghệ thuật của Trung Quốc
 - PI2.3. Phân tích được các vấn đề về giao tiếp liên văn hoá giữa Trung Quốc-Việt Nam.
- **PLO3:** Sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc bậc 5 theo thang ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc cấp 5 chuẩn đánh giá HSK (chuẩn đánh giá năng lực tiếng Trung của Trung Quốc Đại lục) hoặc cấp 5 chuẩn đánh giá TOCFL (chuẩn Quốc tế đánh giá năng lực tiếng Hoa của Đài Loan) hoặc các chuẩn tương đương hợp pháp để giao tiếp, thuyết trình và bảo vệ được quan điểm cá nhân phục vụ các mục đích xã hội và chuyên môn.
 - PI 3.1: Hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo
 - PI 3.2: Diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn bằng tiếng Trung Quốc một cách suôn sẻ và chính xác.
 - PI3.3. Có thể soạn thảo được các văn bản có chủ đề phức tạp một cách chi tiết, rõ ràng, nổi bật được những ý quan trọng.
- **PLO4:** Thực hiện hiệu quả công việc trong các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo như biên, phiên dịch tiếng Trung Quốc, dịch vụ du lịch, thương mại, văn phòng.

- PI4.1. Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ biên - phiên dịch vào công việc
- PI4.2. Vận dụng được những kiến thức về nghiệp vụ thương mại, du lịch, văn phòng ... vào công việc có sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc.
- PI4.3. Có kỹ năng nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực được đào tạo như văn phòng, kinh tế, du lịch, dịch vụ, thương mại...
- **PLO5:** Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả.
 - PI5.1. Sử dụng linh hoạt các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, thuyết trình, báo cáo
 - PI5.2. Xây dựng kế hoạch và hoàn thành các nhiệm vụ được giao một cách độc lập.:
 - PI5.3. Có khả năng hợp tác, trao đổi, thoả thuận để vận hành và phát triển 1 hoặc nhiều nhóm
- **PLO6:** Thể hiện năng lực tự nghiên cứu và năng lực giải quyết vấn đề trong các tình huống chuyên môn nghiệp vụ.
 - PI6.1. Phản biện và bảo vệ được quan điểm của cá nhân từ góc độ khoa học chuyên ngành
 - PI6.2. Làm chủ được tình hình trước những thay đổi, biến động xảy ra trong lĩnh vực công tác
 - PI6.3. Có kỹ năng nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.
- **PLO7:** Xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.
 - PI7.1. Triển khai ý tưởng mới để giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên ngành được đào tạo
 - PI7.2. Hình thành ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực được đào tạo và có liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc
- **PLO8:** Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với pháp luật, đạo đức nghề nghiệp cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng
 - PI8.1. Thực hiện những quy định về đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng sự khác biệt.
 - PI8.2. Thực hiện trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các dự án kết nối cộng đồng, các hoạt động phục vụ cộng đồng.

III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
Mục tiêu chung: Đào tạo trình độ cử nhân ngoại ngữ ngành ngôn ngữ Trung Quốc có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.									
Mục tiêu cụ thể:									
PO1.	Có kiến thức cốt lõi về ngôn ngữ học, biên phiên dịch và chuyên ngành; kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp;	X	X						
PO2.	Có năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng thực hành ngôn ngữ tiếng Trung Quốc;			X	X				
PO3.	Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và năng lực nghiên cứu vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo;					X	X		
PO4.	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp							X	X

IV. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CDR theo Khung trình độ QG	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	X	X													
PLO 2	X	X													
PLO 3										X					
PLO 4	X	X													
PLO 5				X						X		X			X
PLO 6					X	X		X	X				X	X	

CDR theo Khung trình độ QG	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
Chuẩn đầu ra CTĐT															
PLO 7							X								
PLO 8												X			

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 6 (Đại học)		
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




PGS.TS. Nguyễn Văn Long